

Số: 29/2013/TT-BCA

Hà Nội, ngày 10 tháng 5 năm 2013

THÔNG TƯ

**Quy định danh mục bí mật nhà nước độ Mật
trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường**

*Căn cứ Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước ngày 28 tháng 12 năm 2000;
Căn cứ Nghị định số 33/2002/NĐ-CP ngày 28 tháng 3 năm 2002 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 77/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2009 của
Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ
Công an;*

*Sau khi thống nhất với Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ
trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định danh mục bí mật nhà nước độ
Mật trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường như sau:*

**Điều 1. Danh mục bí mật nhà nước độ Mật trong lĩnh vực tài nguyên
và môi trường bao gồm những tin trong phạm vi sau:**

1. Về tài nguyên nước gồm:

a) Tài liệu về chất lượng nước có ảnh hưởng nghiêm trọng tới dân sinh,
kinh tế - xã hội chưa công bố;

b) Bản đồ quy hoạch sử dụng nước chuyên ngành ở các vùng liên quan
đến biên giới có tỷ lệ 1:25.000 và lớn hơn;

c) Bản đồ địa chất thủy văn và bản đồ tài nguyên nước dưới đất có tỷ lệ
1:10.000 và lớn hơn;

d) Các số liệu điều tra, đánh giá, khảo sát, thiết kế công trình khai thác,
sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước quan trọng liên quan đến quốc phòng, an
ninh và các lĩnh vực kinh tế khác.

2. Về địa chất khoáng sản gồm:

a) Tọa độ, trữ lượng các nguyên tố phóng xạ chưa công bố;

b) Trữ lượng khoáng sản được Nhà nước đưa vào dự trữ quốc gia lâu dài;

c) Tài liệu địa vật lý gồm: Các tài liệu, số liệu giá trị tuyệt đối trường
trọng lực và tọa độ điểm đo trọng lực các loại;

d) Các bản đồ chuyên ngành địa chất khoáng sản lập trên nền bản đồ địa
hình theo hệ tọa độ quốc gia tỷ lệ 1:10.000, 1:25.000, 1:50.000, 1:100.000;

đ) Các tài liệu, ảnh vệ tinh, ảnh hàng không của Việt Nam có vị trí các
mỏ, các nhà máy, các xí nghiệp, các khu công nghiệp;

e) Các tài liệu đánh giá tiềm năng khoáng sản chưa công bố hoặc không công bố;

g) Các tài liệu thăm dò khoáng sản chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt không công bố hoặc chưa công bố, trừ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, than bùn, đá vôi làm xi măng;

h) Các tài liệu điều tra, đánh giá, thăm dò khoáng sản phóng xạ uranium, thori chưa công bố hoặc không công bố.

3. Về môi trường gồm:

a) Tin về các vấn đề ô nhiễm môi trường xuyên biên giới có liên quan đến an ninh, quốc phòng, kinh tế, xã hội; tin về những vấn đề môi trường gây hậu quả không có lợi cho lợi ích quốc gia; tin, tài liệu và kết quả (số liệu) quan trắc ô nhiễm môi trường xuyên biên giới có ảnh hưởng đến an ninh, quốc phòng, kinh tế, xã hội chưa công bố hoặc không công bố;

b) Tài liệu, mẫu vật thu thập qua điều tra, số liệu tổng hợp tuyệt đối toàn quốc về hậu quả chiến tranh hoá học đối với con người và môi trường Việt Nam chưa công bố hoặc không công bố;

c) Các số liệu tổng hợp phân tích dioxin do các phòng thí nghiệm Việt Nam thực hiện chưa công bố hoặc không công bố;

d) Số liệu, nội dung các chương trình, đề tài, dự án nghiên cứu về khắc phục hậu quả chất độc hoá học sử dụng trong chiến tranh ở Việt Nam chưa công bố hoặc không công bố;

đ) Quy trình, công nghệ để xử lý, khắc phục sự cố môi trường liên quan đến an ninh quốc phòng chưa công bố hoặc không công bố.

4. Về Khí tượng thuỷ văn:

Những tư liệu điều tra cơ bản về khí tượng thuỷ văn biển đang xử lý chưa công bố hoặc không công bố.

5. Về đo đạc và bản đồ gồm:

a) Hệ thống số liệu gốc đo đạc quốc gia bao gồm: Tọa độ gốc trắc địa, tọa độ gốc thiên văn, tọa độ gốc vệ tinh, giá trị gốc trọng lực tuyệt đối, giá trị gốc độ cao, giá trị gốc độ sâu;

b) Phim, ảnh hàng không bao gồm phim, ảnh hàng không kỹ thuật số và sản phẩm quét phim, ảnh hàng không kèm theo số liệu xác định tọa độ tâm ảnh có số lượng tờ liên kết bằng diện tích lớn hơn 200km² ở thực địa;

c) Bản đồ địa hình dạng giấy, dạng số và cơ sở dữ liệu nền địa lý các tỷ lệ 1:2.000, 1:5.000, 1:10.000, 1:25.000, 1:50.000, 1:100.000, có diện tích liên kết lớn hơn 200 km²;

d) Tài liệu đo đạc bản đồ của khu vực, mục tiêu, đối tượng trong diện bảo mật.

6. Về đất đai gồm:

Kết quả điều tra cơ bản về đánh giá tài nguyên đất chưa công bố.

7. Về lĩnh vực biển, hải đảo:

- a) Hồ sơ mức độ cao Quốc gia tại các vùng biển và hải đảo Việt Nam;
- b) Số liệu, tài liệu, sơ đồ, bản đồ chuyên ngành trong điều tra địa chất khoáng sản biển chưa công bố;
- c) Số liệu về ô nhiễm môi trường biển nghiêm trọng do tràn dầu và các sự cố môi trường khác hoặc do thiên tai gây ra chưa công bố do không có lợi cho lợi ích quốc gia;
- d) Dự thảo báo cáo hiện trạng môi trường biển;
- đ) Tài liệu thuộc hồ sơ về quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch sử dụng biển, hải đảo chưa công bố, bao gồm:
 - Tài liệu phân tích, tổng hợp nhu cầu khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo;
 - Tài liệu phân tích, đánh giá các lợi thế, hạn chế về điều kiện tự nhiên trong việc phát triển kinh tế biển, bảo vệ môi trường góp phần đảm bảo quốc phòng, an ninh trên biển;
 - Báo cáo và hệ thống bảng biểu tổng hợp định hướng khai thác, sử dụng các loại tài nguyên biển, hải đảo phục vụ việc xây dựng các phương án quy hoạch;
 - Phương án quy hoạch sử dụng các vùng biển ưu tiên khai thác phát triển kinh tế, các vùng khai thác có điều kiện, vùng cấm khai thác, vùng bảo vệ đặc biệt để bảo đảm quốc phòng, an ninh;
 - Bản đồ quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.
- e) Số liệu quan trắc tổng hợp tài nguyên và môi trường biển chưa công bố;
- g) Tài liệu về cơ sở khoa học cho việc đặt tên các đảo chưa được công bố;
- h) Kế hoạch vận hành, khai thác phương tiện nghiên cứu, điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường biển sử dụng ngân sách nhà nước;
- i) Tài liệu phân tích - tổng hợp hoạt động hợp tác quốc tế về quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo chưa công bố;
- k) Số liệu, nội dung các chương trình, đề tài, dự án nghiên cứu ảnh hưởng của phóng xạ trong môi trường nước biển chưa công bố.

8. Tài liệu, quy định, quy ước thiết kế mạng, thông tin kỹ thuật về bảo vệ an ninh, an toàn mạng máy tính nội bộ của Bộ.

9. Công trình nghiên cứu khoa học, phát minh sáng chế, giải pháp hữu ích, bí quyết nghề nghiệp đặc biệt quan trọng trong lĩnh vực tài nguyên và môi

trường; các công trình nghiên cứu về tài nguyên và môi trường liên quan đến an ninh, quốc phòng chưa công bố.

10. Tài liệu, chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu khoa học về công nghệ thông tin trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường liên quan đến an ninh, quốc phòng và phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam chưa công bố.

11. Tài liệu kế toán, thống kê trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường chưa công bố.

12. Hồ sơ cán bộ lãnh đạo cấp Vụ và cấp tương đương trở lên của Bộ, tài liệu về quy hoạch, đề bạt, kỷ luật cán bộ và những vấn đề chính trị nội bộ chưa công bố.

13. Tài liệu thanh tra, kiểm tra; kết luận thanh tra, kiểm tra; kết quả giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo chưa công bố.

14. Tài liệu có sử dụng tin, tài liệu thuộc danh mục bí mật nhà nước độ Mật của các cơ quan, đơn vị, tổ chức trong và ngoài Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24. tháng 6. năm 2013.

Thông tư này thay thế Quyết định số 919/2004/QĐ-BCA(A11) ngày 21 tháng 11 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Công an về Danh mục bí mật nhà nước độ Mật trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Công an có trách nhiệm kiểm tra, hướng dẫn việc thi hành Thông tư này.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. /.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ và các Phó TTg CP;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng TW và các ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công báo;
- Lưu: VT, A81(A82).(N.150).

BỘ TRƯỞNG



Đại tướng Trần Đại Quang